

Số: 1686/QĐ-ĐHNN

Hà Nội, ngày 22 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Công nhận tốt nghiệp hệ đào tạo đại học chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Căn cứ Quyết định số 3568/QĐ-ĐHQGHN ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị thành viên và đơn vị trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết số 2716/NQ-HĐT ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Ngoại ngữ về việc ban hành Quy định tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 5115/QĐ-ĐHQGHN ngày 25 tháng 12 năm 2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về Quy chế đào tạo đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 3626/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về Quy chế đào tạo đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Biên bản cuộc họp xét tốt nghiệp ngày 22 tháng 9 năm 2026 của Hội đồng xét tốt nghiệp ban hành theo Quyết định số 1221/QĐ-ĐHNN ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo và Người học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Cử nhân Ngoại ngữ hệ chính quy cho 249 sinh viên đợt tháng 9 năm 2026. Trong đó khóa QH2023.F1: 02 sinh viên, QH2022.F1: 186 sinh viên, QH2021.F1: 30 sinh viên, QH2020: 29 sinh viên, QH2019.F1: 02 sinh viên.

Khóa QH2023.F1

Ngành Sư phạm tiếng Hàn Quốc	01 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Trung Quốc	01 sinh viên

Khóa QH2022.F1

Ngành Sư phạm tiếng Anh	16 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Anh	61 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Nga	03 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Pháp	10 sinh viên
Ngành Sư phạm tiếng Trung Quốc	02 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Trung Quốc	12 sinh viên
Ngành Sư phạm tiếng Đức	04 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Đức	07 sinh viên
Ngành Sư phạm tiếng Nhật Bản	03 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Nhật Bản	31 sinh viên
Ngành Sư phạm tiếng Hàn Quốc	01 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc	35 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Ả Rập	01 sinh viên

Khóa QH2021.F1

Ngành Ngôn ngữ Anh CLC TT23	09 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Nga	02 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Pháp CLC TT23	04 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Trung Quốc CLC TT23	01 sinh viên

Ngành Ngôn ngữ Đức CLC TT23	03 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Nhật Bản CLC TT23	06 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc CLC TT23	03 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Ả Rập	02 sinh viên
Khóa QH2020.F1	
Ngành Ngôn ngữ Anh CLC TT23	12 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Nga	02 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Pháp CLC TT23	04 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Trung Quốc CLC TT23	03 sinh viên
Ngành Sư phạm tiếng Đức	01 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Đức CLC TT23	04 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Nhật Bản CLC TT23	03 sinh viên
Khóa QH2019.F1	
Ngành Ngôn ngữ Nga	01 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Trung Quốc CLC TT23	01 sinh viên

Điều 2. Trưởng phòng Văn phòng tổng hợp, Trưởng phòng Đào tạo và Người học, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng các khoa đào tạo, Trưởng các đơn vị liên quan và các sinh viên có tên tại điều 1 có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- ĐHQGHN (để báo cáo, cấp bằng);
- HT, các PHT (để báo cáo);
- Như Điều 2 (để thực hiện);
- Lưu: VP, ĐT&NH, Lh03.

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Hà Lê Kim Anh

Ngành Ngôn ngữ Đức CLC TT23	03 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Nhật Bản CLC TT23	06 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc CLC TT23	03 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Ả Rập	02 sinh viên
Khóa QH2020.F1	
Ngành Ngôn ngữ Anh CLC TT23	12 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Nga	02 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Pháp CLC TT23	04 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Trung Quốc CLC TT23	03 sinh viên
Ngành Sư phạm tiếng Đức	01 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Đức CLC TT23	04 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Nhật Bản CLC TT23	03 sinh viên
Khóa QH2019.F1	
Ngành Ngôn ngữ Nga	01 sinh viên
Ngành Ngôn ngữ Trung Quốc CLC TT23	01 sinh viên

Điều 2. Trưởng phòng Văn phòng tổng hợp, Trưởng phòng Đào tạo và Người học, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng các khoa đào tạo, Trưởng các đơn vị liên quan và các sinh viên có tên tại điều 1 có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- ĐHQGHN (để báo cáo, cấp bằng);
- HT, các PHT (để báo cáo);
- Như Điều 2 (để thực hiện);
- Lưu: VP, ĐT&NH, Lh03.

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Hà Lê Kim Anh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 1686 ngày 22/09/2026)

Khóa: QH.2022.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Sư phạm Tiếng Anh.

Mã ngành đào tạo: 7140231

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	22040049	Ngô Thị Ngọc Anh	13/12/2004	Nữ	Hà Nội	3.73	Xuất sắc	
2	22040046	Nguyễn Trọng Gia Bảo	08/07/2004	Nam	Hà Nội	3.78	Xuất sắc	
3	22040040	Nguyễn Công Duy	04/11/2004	Nam	Hà Nội	3.36	Giỏi	
4	22040054	Nguyễn Lưu Linh Đan	01/12/2004	Nữ	Hà Nội	3.82	Xuất sắc	
5	22040013	Lê Ngọc Thái Hà	27/02/2004	Nữ	Hà Tĩnh	3.38	Giỏi	
6	22040108	Ngôn Thị Kim Huệ	04/03/2004	Nữ	Cao Bằng	3.66	Xuất sắc	
7	22040094	Nguyễn Tiến Hưng	24/12/2004	Nam	Hải Phòng	3.32	Giỏi	
8	22040079	Trần Quốc Khánh	16/01/2004	Nam	Hà Nội	3.35	Giỏi	
9	22040083	Nguyễn Ngọc Tùng Lâm	06/10/2004	Nam	Hải Phòng	3.29	Giỏi	
10	22040089	Nguyễn Bích Ngọc	17/09/2004	Nữ	Hải Phòng	3.72	Xuất sắc	
11	22040124	Hoàng Thị Tú Oanh	24/03/2004	Nữ	Bắc Ninh	3.38	Giỏi	
12	22040098	Nguyễn Trúc Quỳnh	09/06/2004	Nữ	Cao Bằng	3.42	Giỏi	
13	22040097	Nguyễn Phương Thảo	07/02/2004	Nữ	Tuyên Quang	3.47	Giỏi	
14	22040043	Đỗ Đức Trung	22/11/2002	Nam	Hà Nội	3.36	Giỏi	
15	22040011	Lê Khánh Tùng	07/06/2004	Nam	Nghệ An	3.71	Xuất sắc	
16	22040164	Nguyễn Lê Hà Vy	13/05/2004	Nữ	Nghệ An	3.78	Xuất sắc	

Danh sách gồm: 16 sinh viên

Hà Nội, Ngày 22 tháng 9 năm 2026

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC

Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 1686 ngày 22/09/2026)

Khóa: QH.2022.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh

Mã ngành đào tạo: 7220201

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	22040278	Nguyễn Thị Thanh An	06/07/2004	Nữ	Hà Nội	3.38	Giỏi	
2	22040557	Lê Thị Lan Anh	23/11/2004	Nữ	Quảng Ninh	3.62	Xuất sắc	
3	22040622	Nguyễn Đình Thị Thúy Anh	28/01/2004	Nữ	Ninh Bình	3.34	Giỏi	
4	22040452	Nguyễn Hùng Anh	27/11/2004	Nam	Hải Phòng	3.42	Giỏi	
5	22040718	Nguyễn Ngọc Anh	08/01/2004	Nữ	Hà Tĩnh	3.45	Giỏi	
6	22040377	Nguyễn Quang Anh	08/11/2004	Nam	Hà Nội	3.42	Giỏi	
7	22040025	Phạm Duy Anh	04/11/2004	Nam	Ninh Bình	3.67	Xuất sắc	
8	22040396	Vũ Thị Mai Anh	31/07/2004	Nữ	Hà Nội	3.51	Giỏi	
9	22040701	Chu Thị Ngọc Bích	15/03/2004	Nữ	Nghệ An	3.45	Giỏi	
10	22040654	Nguyễn Lâm Bình	28/09/2004	Nữ	Ninh Bình	3.67	Xuất sắc	
11	22040665	Nguyễn Thị Châu	08/02/2004	Nữ	Thanh Hóa	3.40	Giỏi	
12	22040273	Nguyễn Thị Minh Châu	13/03/2004	Nữ	Hà Nội	3.36	Giỏi	
13	22040313	Dương Khánh Chi	22/09/2004	Nữ	Hà Nội	3.71	Xuất sắc	
14	22040385	Lê Thảo Chi	16/03/2004	Nữ	Hà Nội	3.71	Xuất sắc	
15	22040289	Tường Kim Chi	08/02/2004	Nữ	Hà Nội	3.46	Giỏi	
16	22040316	Nguyễn Anh Dũng	22/11/2004	Nam	Hà Nội	3.32	Giỏi	
17	22040447	Phạm Thành Đạt	08/10/2004	Nam	Hải Phòng	3.47	Giỏi	
18	22040486	Lý Thu Hà	19/07/2004	Nữ	Lạng Sơn	3.19	Khá	
19	22040606	Nguyễn Hồng Hạnh	13/03/2004	Nữ	Hưng Yên	3.54	Giỏi	
20	22040683	Nguyễn Thị Thúy Hiền	30/07/2004	Nữ	Thanh Hóa	3.33	Giỏi	
21	22040566	Nguyễn Phạm Đức Hiếu	30/11/2004	Nam	Bắc Ninh	3.16	Khá	
22	22040284	Võ Lê Hiền Hòa	04/03/2004	Nữ	Hà Nội	3.48	Giỏi	
23	22040450	Nguyễn Phương Hoài	04/02/2004	Nữ	Hải Phòng	3.56	Giỏi	
24	22040663	Nguyễn Tuấn Huy	06/06/2004	Nam	Thanh Hóa	3.21	Giỏi	
25	22040380	Ngô Thị Thúy Huyền	06/10/2004	Nữ	Hà Nội	3.26	Giỏi	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
26	22040534	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	22/10/2004	Nữ	Phú Thọ	3.21	Giỏi	
27	22040625	Trần Đăng Khoa	06/07/2004	Nam	Ninh Bình	3.39	Giỏi	
28	21040884	Ngô Khánh Linh	19/03/2003	Nữ	Ninh Bình	3.77	Xuất sắc	
29	22040605	Nguyễn Ngọc Linh	19/07/2004	Nữ	Hưng Yên	3.47	Giỏi	
30	22040375	Nguyễn Thùy Linh	16/11/2004	Nữ	Hà Nội	3.54	Giỏi	
31	22040555	Trần Thùy Linh	12/08/2004	Nữ	Quảng Ninh	3.52	Giỏi	
32	22040642	Đặng Phương Mai	27/08/2004	Nữ	Hưng Yên	3.34	Giỏi	
33	21041762	Nhuyen Fyongh Mai	26/07/2003	Nữ	Ukraine	3.40	Giỏi	
34	22040298	Trần Phương Mai	16/03/2004	Nữ	Hà Nội	3.61	Xuất sắc	
35	22040411	Đinh Đức Mạnh	10/06/2004	Nam	Hà Nội	3.40	Giỏi	
36	22040299	Nguyễn Đỗ Thảo Miên	19/03/2004	Nữ	Hà Nội	3.43	Giỏi	
37	22040351	Lê Anh Minh	27/02/2004	Nam	Hà Nội	3.58	Giỏi	
38	22040490	Nguyễn Duy Nam	21/08/2004	Nam	Thái Nguyên	3.04	Khá	
39	22040634	Vũ Kim Ngân	10/04/2004	Nữ	Ninh Bình	3.49	Giỏi	
40	22040730	Nguyễn Thị Kim Ngọc	27/12/2004	Nữ	Phú Thọ	3.42	Giỏi	
41	22040488	Hoàng Ánh Nguyệt	28/09/2004	Nữ	Thái Nguyên	3.26	Giỏi	
42	22040590	Kim Thị Yến Nhi	24/01/2004	Nữ	Hải Phòng	3.43	Giỏi	
43	22040610	Bùi Thị Hồng Nhung	21/02/2004	Nữ	Phú Thọ	3.29	Giỏi	
44	22040621	Ngô Thị Tuyết Nhung	24/10/2004	Nữ	Ninh Bình	3.51	Giỏi	
45	22040564	Trần Thị Nhung	02/10/2004	Nữ	Bắc Ninh	3.59	Giỏi	
46	22040379	Trần Tạ Lâm Oanh	02/11/2004	Nữ	Hà Nội	3.63	Xuất sắc	
47	22040645	Nguyễn Đăng Quang	05/02/2004	Nam	Hưng Yên	3.24	Giỏi	
48	22040394	Hoàng Thị Yến San	15/09/2004	Nữ	Hà Nội	3.64	Xuất sắc	
49	22040443	Trần Minh Sơn	11/03/2004	Nam	Hải Phòng	3.30	Giỏi	
50	22040698	Lê Viết Thành	05/04/2004	Nam	Nghệ An	3.59	Giỏi	
51	22040307	Trần Tuấn Thành	10/09/2004	Nam	Hà Nội	3.19	Khá	
52	22040573	Trần Bảo Thương	19/05/2004	Nữ	Bắc Ninh	3.71	Xuất sắc	
53	22040389	Hoàng Hà Trang	11/09/2004	Nữ	Hà Nội	3.40	Giỏi	
54	22040023	Phạm Thị Kiều Trang	31/01/2004	Nữ	Lào Cai	3.36	Giỏi	
55	22040646	Trần Phương Trang	17/12/2004	Nữ	Hưng Yên	3.34	Giỏi	
56	22040373	Trần Thị Thu Trang	23/07/2004	Nữ	Hà Nội	3.51	Giỏi	
57	22040325	Hoàng Bảo Trâm	14/10/2004	Nữ	Hà Nội	3.17	Khá	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
58	22040507	Phạm Quang Tú	24/11/2004	Nam	Phú Thọ	3.50	Giỏi	
59	22040688	Phạm Phương Uyên	21/05/2004	Nữ	Nghệ An	3.58	Giỏi	
60	22040392	Khuất Hải Yến	30/10/2004	Nữ	Hà Nội	3.48	Giỏi	
61	22040263	Nguyễn Hoàng Yến	09/04/2004	Nữ	Hà Nội	3.34	Giỏi	

Danh sách gồm: 61 sinh viên

Hà Nội, Ngày 22 tháng 9 năm 2026

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC



Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 1686 ngày 22/09/2026)

Khóa: QH.2021.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh (Chất lượng cao)

Mã ngành đào tạo: 7220201CLC

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	21041765	Basumatary Bhuban	11/06/1988	Nam	Ấn Độ	3.05	Khá	
2	21041743	Ma Hoài Diễm	23/08/2002	Nữ	Thái Nguyên	2.96	Khá	
3	21040860	Trương Thúy Hoa	20/02/2003	Nữ	Thanh Hóa	3.67	Xuất sắc	
4	21040865	Lù Quang Huy	12/12/2003	Nam	Lào Cai	3.44	Giỏi	
5	21041014	Giang Thu Huyền	04/06/2003	Nữ	Lào Cai	3.70	Xuất sắc	
6	21041041	Nguyễn Thị Bích Ngọc	20/03/2003	Nữ	Hà Nội	3.47	Giỏi	
7	21040456	Đỗ Phương Thảo	22/12/2003	Nữ	Bắc Ninh	3.42	Giỏi	
8	21040057	Nguyễn Ngọc Thúy	14/09/2003	Nữ	Thanh Hóa	3.42	Giỏi	
9	21040969	Phạm Thùy Trang	05/10/2003	Nữ	Bắc Ninh	3.63	Xuất sắc	

Danh sách gồm: 9 sinh viên

Hà Nội, Ngày 22 tháng 9 năm 2026

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC



Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 1686 ngày 22/09/2026)

Khóa: QH.2020.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh (Chất lượng cao) Mã ngành đào tạo: 7220201CLC

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	20041747	Nguyễn Quỳnh Anh	12/03/2001	Nữ	Hà Nội	3.48	Giỏi	
2	20040240	Nguyễn Thị Ánh	05/05/2002	Nữ	Hà Nội	3.36	Giỏi	
3	20040267	Dương Trung Dũng	29/07/2002	Nam	Hà Nội	3.34	Giỏi	
4	20040273	Đỗ Minh Duyên	26/10/2002	Nữ	Tuyên Quang	3.42	Giỏi	
5	20041408	Đào Thái Hà	04/03/2002	Nam	Điện Biên	3.26	Giỏi	
6	20041411	Trần Hồng Hạnh	11/01/2002	Nữ	Ninh Bình	3.60	Xuất sắc	
7	21040055	Lê Tuấn Kiệt	29/09/2003	Nam	Hà Nội	3.32	Giỏi	
8	21040379	Hoàng Phương Minh	15/08/2003	Nữ	Hà Nội	3.30	Giỏi	
9	20041437	Phạm Thị Thúy Nga	17/04/2002	Nữ	Thanh Hóa	3.45	Giỏi	
10	20040420	Hoàng Trọng Nhã	23/12/2002	Nam	Tuyên Quang	3.45	Giỏi	
11	20041093	Tổng Đức Tâm	28/10/2002	Nam	Quảng Ninh	3.29	Giỏi	
12	21040116	Nguyễn Tiến Thành	07/08/2003	Nam	Hải Phòng	3.52	Giỏi	

Danh sách gồm: 12 sinh viên

Hà Nội, Ngày 22 tháng 9 năm 2026

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC



Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 1686 ngày 22/09/2026)

Khóa: QH.2022.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Nga

Mã ngành đào tạo: 7220202

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	22040803	Nguyễn Hoàng Minh	22/02/2004	Nam	Phú Thọ	2.99	Khá	
2	22040813	Trịnh Phương Thảo	13/07/2003	Nữ	Thanh Hóa	2.73	Khá	
3	22040792	Nguyễn Thị Thu Trang	12/10/2004	Nữ	Bắc Ninh	2.96	Khá	

Danh sách gồm: 3 sinh viên

Hà Nội, Ngày 22 tháng 9 năm 2026

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC

Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 1686 ngày 22/09/2026)

Khóa: QH.2021.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Nga

Mã ngành đào tạo: 7220202

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	21040480	Nguyễn Ngọc Trang Anh	05/12/2003	Nữ	Hà Nội	2.07	Trung Bình	
2	21041140	Đỗ Phương Ngân	16/05/2003	Nữ	Phú Thọ	2.15	Trung Bình	

Danh sách gồm: 2 sinh viên

Hà Nội, Ngày 22 tháng 9 năm 2026

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC

Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 1686 ngày 22/09/2026)

Khóa: QH.2020.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Nga

Mã ngành đào tạo: 7220202

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	20040605	Đoàn Thị Thương	02/12/2002	Nữ	Lai Châu	2.57	Khá	
2	20040609	Trịnh Thảo Trang	11/07/2001	Nữ	Thanh Hóa	2.81	Khá	

Danh sách gồm: 2 sinh viên

Hà Nội, Ngày 22 tháng 9 năm 2026

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC

Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 1686 ngày 22/09/2026)

Khóa: QH.2019.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Nga

Mã ngành đào tạo: 7220202

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	19040549	Hoàng Thị Yến Ly	29/08/2000	Nữ	Ninh Bình	2.81	Khá	

Danh sách gồm: 1 sinh viên

Hà Nội, Ngày 22 tháng 9 năm 2026

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC



Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 1686 ngày 22/09/2026)

Khóa: QH.2022.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Pháp

Mã ngành đào tạo: 7220203

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	22040875	Nguyễn Thị Lan Anh	14/01/2004	Nữ	Phú Thọ	3.15	Khá	
2	22040882	Vũ Hải Anh	07/11/2004	Nữ	Phú Thọ	2.99	Khá	
3	22040933	Nguyễn Thị Thu Hằng	07/09/2004	Nữ	Nghệ An	3.07	Khá	
4	22040841	Nguyễn Minh Hiền	14/08/2004	Nữ	Hà Nội	3.03	Khá	
5	22040894	Ngô Thị Hoài	03/01/2004	Nữ	Bắc Ninh	2.91	Khá	
6	22040917	Đinh Thị Gia Linh	14/12/2004	Nữ	Hưng Yên	3.25	Giỏi	
7	22040864	Trương Tuệ Linh	28/05/2004	Nữ	Tuyên Quang	2.98	Khá	
8	22040865	Vũ Khánh Linh	22/06/2004	Nữ	Tuyên Quang	2.60	Khá	
9	21041225	Đào Ngọc Mai	10/01/2003	Nữ	Hà Nội	3.12	Khá	
10	22040913	Đinh Thùy Trinh	04/09/2004	Nữ	Ninh Bình	2.82	Khá	

Danh sách gồm: 10 sinh viên

Hà Nội, Ngày 22 tháng 9 năm 2026

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC

Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 1686 ngày 22/09/2026)

Khóa: QH.2021.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Pháp (Chất lượng cao) Mã ngành đào tạo: 7220203CLC

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	21041217	Nguyễn Thị Minh Huyền	07/07/2003	Nữ	Phú Thọ	3.00	Khá	
2	21041176	Hoàng Anh Kiều	02/11/2003	Nam	Bắc Ninh	3.02	Khá	
3	21041227	Nguyễn Xuân Mạnh	13/08/2003	Nam	Phú Thọ	2.59	Khá	
4	21040070	Nguyễn Huyền Trang	05/11/2003	Nữ	Ninh Bình	2.96	Khá	

Danh sách gồm: 4 sinh viên

Hà Nội, Ngày 22 tháng 9 năm 2026

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC

Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 1686 ngày 22/09/2026)

Khóa: QH.2020.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Pháp (Chất lượng cao) Mã ngành đào tạo: 7220203CLC

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	20040040	Đinh Ngọc Hà Anh	22/04/2002	Nữ	Hà Nội	2.64	Khá	
2	20041819	Đỗ Hà Anh	13/07/2001	Nữ	Hải Phòng	3.04	Khá	
3	20040618	Nguyễn Phương Anh	26/05/2002	Nữ	Hải Phòng	2.94	Khá	
4	20040708	Đào Thùy Trang	08/04/2002	Nữ	Hà Nội	2.78	Khá	

Danh sách gồm: 4 sinh viên

Hà Nội, Ngày 22 tháng 9 năm 2026

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC

Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 1686 ngày 22/09/2026)

Khóa: QH.2022.F.1
Hệ đào tạo: Chính quy
Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN
Ngành đào tạo: Sư phạm Tiếng Trung Quốc. Mã ngành đào tạo: 7140234

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	21040732	Nguyễn Thị Diệu Băng	10/11/2003	Nữ	Đồng Nai	3.51	Giỏi	
2	22040183	Phạm Thị Ngân Hà	01/09/2004	Nữ	Hải Phòng	3.55	Giỏi	

Danh sách gồm: 2 sinh viên

Hà Nội, Ngày 22 tháng 9 năm 2026

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC



Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 1686 ngày 22/09/2026)

Khóa: QH.2023.F.1
Hệ đào tạo: Chính quy
Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN
Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Trung Quốc Mã ngành đào tạo: 7220204

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	21040451	Trần Quỳnh Anh	12/02/2003	Nữ	Phú Thọ	3.46	Giỏi	

Danh sách gồm: 1 sinh viên

Hà Nội, Ngày 22 tháng 9 năm 2026

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC

Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 1686 ngày 22/09/2026)

Khóa: QH.2022.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Trung Quốc

Mã ngành đào tạo: 7220204

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	22041072	Nguyễn Quốc An	25/01/2004	Nam	Bắc Ninh	2.69	Khá	
2	22041097	Lương Hải Ngọc Diệp	13/06/2003	Nữ	Hải Phòng	3.20	Giỏi	
3	22040978	Khuất Hương Giang	01/09/2004	Nữ	Hà Nội	3.26	Giỏi	
4	22041085	Nguyễn Thị Hà Giang	09/08/2004	Nữ	Bắc Ninh	2.75	Khá	
5	22041040	Nguyễn Thị Hằng	10/03/2004	Nữ	Phú Thọ	2.62	Khá	
6	20040769	Lưu Phương Hiền	06/07/2002	Nữ	Ninh Bình	3.03	Khá	
7	22041124	Bùi Thị Thu Hoài	22/10/2004	Nữ	Hung Yên	3.03	Khá	
8	22041132	Lê Thị Thu Hường	09/08/2004	Nữ	Hung Yên	3.07	Khá	
9	22041160	Hoàng Thùy Linh	25/02/2003	Nữ	Lạng Sơn	2.26	Trung Bình	
10	22041051	Phạm Cẩm Ngọc	20/11/2004	Nữ	Quảng Ninh	3.13	Khá	
11	22040976	Nguyễn Thị Mai Phương	08/03/2004	Nữ	Hà Nội	3.23	Giỏi	
12	22041035	Đinh Nguyễn Cẩm Tú	08/10/2003	Nữ	Phú Thọ	3.44	Giỏi	

Danh sách gồm: 12 sinh viên

Hà Nội, Ngày 22 tháng 9 năm 2026

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC

Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 1686 ngày 22/09/2026)

Khóa: QH.2021.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Trung Quốc (Chất lượng cao) Mã ngành đào tạo: 7220204CLC

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	21041262	Trần Thanh Hải	30/05/2003	Nữ	Lạng Sơn	2.50	Khá	

Danh sách gồm: 1 sinh viên

Hà Nội, Ngày 22 tháng 9 năm 2026

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC

Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 1686 ngày 22/09/2026)

Khoá: QH.2020.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Trung Quốc (Chất lượng cao) Mã ngành đào tạo: 7220204CLC

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	20040098	Nguyễn Phương Anh	10/06/2002	Nữ	Hà Nội	2.91	Khá	
2	21040003	Lê Trần Ngọc Linh	12/11/2003	Nữ	Thanh Hóa	2.98	Khá	
3	20040796	Thân Thị Ngọc Mai	09/11/2002	Nữ	Bắc Ninh	3.20	Giỏi	

Danh sách gồm: 3 sinh viên

Hà Nội, Ngày 22 tháng 9 năm 2026

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC

Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 1686 ngày 22/09/2026)

Khóa: QH.2019.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Trung Quốc (Chất lượng cao) Mã ngành đào tạo: 7220204CLC

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	20041058	Phùng Thị Thu Uyên	13/08/2002	Nữ	Phú Thọ	3.23	Giỏi	

Danh sách gồm: 1 sinh viên

Hà Nội, Ngày 22 tháng 9 năm 2026

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC

Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 1686 ngày 22/09/2026)

Khóa: QH.2022.F.1
Hệ đào tạo: Chính quy
Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN
Ngành đào tạo: Sư phạm Tiếng Đức. Mã ngành đào tạo: 7140235

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	20040155	Phạm Lan Hương	21/06/2002	Nữ	Ninh Bình	3.21	Giỏi	
2	22040208	Vũ Thị Lan Hương	19/03/2004	Nữ	Ninh Bình	3.40	Giỏi	
3	22040203	Nguyễn Thị Ngọc Lễ	01/01/2004	Nữ	Thái Nguyên	3.21	Giỏi	
4	22040209	Khổng Thị Phương Thanh	02/07/2002	Nữ	Hung Yên	3.30	Giỏi	

Danh sách gồm: 4 sinh viên

Hà Nội, Ngày 22 tháng 9 năm 2026

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC


Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 1686 ngày 22/09/2026)

Khóa: QH.2020.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Sư phạm Tiếng Đức.

Mã ngành đào tạo: 7140235

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	20040376	Nguyễn Ngọc Hà	26/04/2002	Nữ	Hà Nội	3.32	Giỏi	

Danh sách gồm: 1 sinh viên

Hà Nội, Ngày 22 tháng 9 năm 2026

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC

Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 1686 ngày 22/09/2026)

Khóa: QH.2022.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Đức

Mã ngành đào tạo: 7220205

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	22041204	Trần Ngọc Bảo Châu	24/01/2004	Nữ	Hà Nội	3.21	Giỏi	
2	22041242	Nguyễn Quỳnh Chi	18/01/2004	Nữ	Bắc Ninh	3.10	Khá	
3	21041406	Nguyễn Thị Hiền	09/08/2003	Nữ	Ninh Bình	3.27	Giỏi	
4	22041206	Ngô Khánh Linh	14/09/2004	Nữ	Hà Nội	3.06	Khá	
5	22041228	Triệu Mai Thùy Linh	03/08/2004	Nữ	Phú Thọ	3.08	Khá	
6	20040924	Trần Thị Hằng Nga	18/08/2002	Nữ	Ninh Bình	3.27	Giỏi	
7	21041421	Trần Quỳnh Trang	24/02/2003	Nữ	Nghệ An	2.99	Khá	

Danh sách gồm: 7 sinh viên

Hà Nội, Ngày 22 tháng 9 năm 2026

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC

Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 1686 ngày 22/09/2026)

Khóa: QH.2021.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Đức (Chất lượng cao) Mã ngành đào tạo: 7220205CLC

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	20041814	Hoàng Đức Anh	07/02/2000	Nam	Hà Nội	3.54	Giỏi	
2	20040919	Đoàn Quỳnh Mai	09/10/2002	Nữ	Hải Phòng	3.24	Giỏi	
3	21040089	Trần Thị Hồng Uyên	23/05/2003	Nữ	Hải Phòng	2.85	Khá	

Danh sách gồm: 3 sinh viên

Hà Nội, Ngày 22 tháng 9 năm 2026

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC

Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 1686 ngày 22/09/2026)

Khóa: QH.2020.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Đức (Chất lượng cao)

Mã ngành đào tạo: 7220205CLC

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	20040215	Nguyễn Minh Châu	22/09/2002	Nữ	CHLB Đức	3.45	Giỏi	
2	20040879	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	22/03/2002	Nữ	Hà Nội	3.53	Giỏi	
3	20040901	Vũ Minh Hiếu	27/11/2002	Nam	Hà Nội	3.49	Giỏi	
4	20041591	Nguyễn Ái Linh	02/08/2002	Nữ	Quảng Ninh	3.06	Khá	

Danh sách gồm: 4 sinh viên

Hà Nội, Ngày 22 tháng 9 năm 2026

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC


Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 1686 ngày 22/09/2026)

Khóa: QH.2022.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Sư phạm Tiếng Nhật Bản.

Mã ngành đào tạo: 7140236

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	22040230	Đặng Hải Dương	31/05/2004	Nữ	Hung Yên	3.24	Giỏi	
2	22040229	Hoàng Thị Sớm Mai	23/01/2004	Nữ	Hung Yên	3.30	Giỏi	
3	22040224	Vương Hồng Ngọc	26/08/2004	Nữ	Bắc Ninh	3.39	Giỏi	

Danh sách gồm: 3 sinh viên

Hà Nội, Ngày 22 tháng 9 năm 2026

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC

Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 1686 ngày 22/09/2026)

Khoá: QH.2022.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Nhật

Mã ngành đào tạo: 7220209

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	22041296	Vũ Hà An	29/05/2004	Nữ	Hà Nội	3.21	Giỏi	
2	22041273	Bùi Ngô Phương Anh	19/12/2004	Nữ	Hà Nội	3.57	Giỏi	
3	22041470	Hà Kim Anh	20/09/2004	Nữ	Ninh Bình	3.14	Khá	
4	22041402	Nguyễn Ngọc Bích	27/08/2004	Nữ	Bắc Ninh	3.63	Xuất sắc	
5	22041435	Nguyễn Khánh Chi	09/12/2004	Nữ	Hung Yên	3.32	Giỏi	
6	22041300	Nguyễn Thùy Dương	02/07/2004	Nữ	Hà Nội	3.39	Giỏi	
7	22041437	Đỗ Tiến Đạt	09/03/2004	Nam	Hung Yên	3.60	Xuất sắc	
8	22041358	Trần Minh Đức	28/12/2004	Nam	Hải Phòng	3.11	Khá	
9	20041015	Nguyễn Đình Huy	20/01/2002	Nam	Hà Nội	3.40	Giỏi	
10	21041515	Đào Khánh Huyền	11/04/2003	Nữ	Phú Thọ	3.34	Giỏi	
11	22041413	Nguyễn Thị Huyền	15/06/2004	Nữ	Bắc Ninh	3.21	Giỏi	
12	22041400	Vũ Nhật Linh	30/09/2004	Nữ	Bắc Ninh	3.35	Giỏi	
13	22041290	Nguyễn Hồng Mai	17/02/2004	Nữ	Hà Nội	3.21	Giỏi	
14	22041397	Nguyễn Hồng Mai	17/10/2004	Nữ	Quảng Ninh	3.42	Giỏi	
15	22041381	Phan Thị Mai	29/07/2004	Nữ	Phú Thọ	3.38	Giỏi	
16	22041361	Lưu Phạm Hoàng Ngân	07/02/2004	Nữ	Hải Phòng	3.73	Xuất sắc	
17	21041533	Vũ Thị Thanh Ngoan	10/10/2003	Nữ	Ninh Bình	3.18	Khá	
18	22041456	Mai Lan Ngọc	01/02/2004	Nữ	Ninh Bình	3.23	Giỏi	
19	22041348	Xuân Thị Yến Nhi	14/12/2004	Nữ	Hà Nội	3.05	Khá	
20	22041388	Phạm Thị Kim Oanh	09/01/2004	Nữ	Phú Thọ	3.22	Giỏi	
21	22041438	Đỗ Phương Quỳnh	15/10/2004	Nữ	Ninh Bình	3.47	Giỏi	
22	22041387	Phó Hà Tuệ Tâm	18/10/2004	Nữ	Phú Thọ	3.24	Giỏi	
23	22041471	Trần Thanh Tâm	18/11/2004	Nữ	Ninh Bình	3.17	Khá	
24	22041380	Bạch Thu Thảo	17/04/2004	Nữ	Phú Thọ	3.45	Giỏi	
25	21041484	Nguyễn Linh Thư	04/12/2003	Nữ	Hà Nội	3.13	Khá	
26	22041416	Nguyễn Thị Hương Trà	25/01/2004	Nữ	Bắc Ninh	3.32	Giỏi	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
27	22041345	Đỗ Thị Thu Trang	26/06/2004	Nữ	Hà Nội	3.32	Giỏi	
28	22041277	Nguyễn Ngọc Thu Trang	13/01/2004	Nữ	Hà Nội	3.32	Giỏi	
29	22041334	Đỗ Thiên Vân	03/02/2004	Nữ	Hà Nội	3.23	Giỏi	
30	21040409	Lê Phương Vân	22/02/2003	Nữ	Hà Nội	3.83	Xuất sắc	
31	22041386	Trần Hải Yến	09/11/2004	Nữ	Phú Thọ	3.29	Giỏi	

Danh sách gồm: 31 sinh viên

Hà Nội, Ngày 22 tháng 9 năm 2026

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC



Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 1686 ngày 22/09/2026)

Khóa: QH.2021.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Nhật (Chất lượng cao) Mã ngành đào tạo: 7220209CLC

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	20040064	Lương Tuấn Anh	10/05/2002	Nam	Hưng Yên	3.65	Xuất sắc	
2	21040411	Vũ Anh Duy	15/10/2003	Nam	Quảng Ninh	2.69	Khá	
3	20041081	Nguyễn Diệu Tâm	04/10/2002	Nữ	Hà Nội	3.44	Giỏi	
4	21040143	Đỗ Quỳnh Trang	01/12/2003	Nữ	Hà Nội	3.58	Giỏi	
5	21041545	Lưu Thùy Trang	07/01/2003	Nữ	Phú Thọ	3.52	Giỏi	
6	21040117	Nguyễn Thị Thu Trang	16/11/2003	Nữ	Hải Phòng	3.73	Xuất sắc	

Danh sách gồm: 6 sinh viên

Hà Nội, Ngày 22 tháng 9 năm 2026

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC

Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 1686 ngày 22/09/2026)

Khóa: QH.2020.F.1
Hệ đào tạo: Chính quy
Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN
Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Nhật (Chất lượng cao) Mã ngành đào tạo: 7220209CLC

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	20041001	Hoàng Mạnh Hà	21/04/2002	Nam	Cao Bằng	3.07	Khá	
2	20041073	Phạm Xuân Quang	27/01/2002	Nam	Phú Thọ	3.48	Giỏi	
3	20041636	Nguyễn Thu Trang	26/05/2002	Nữ	Hải Phòng	3.23	Giỏi	

Danh sách gồm: 3 sinh viên

Hà Nội, Ngày 22 tháng 9 năm 2026

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC



Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 1686 ngày 22/09/2026)

Khóa: QH.2023.F.1
Hệ đào tạo: Chính quy
Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN
Ngành đào tạo: Sư phạm Tiếng Hàn Quốc Mã ngành đào tạo: 7140237

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	22040255	Phạm Thị Thảo Huyền	02/10/2003	Nữ	Thanh Hoá	3.76	Xuất sắc	

Danh sách gồm: 1 sinh viên

Hà Nội, Ngày 22 tháng 9 năm 2026

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC


Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 1686 ngày 22/09/2026)

Khóa: QH.2022.F.1
Hệ đào tạo: Chính quy
Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN
Ngành đào tạo: Sư phạm Tiếng Hàn Quốc Mã ngành đào tạo: 7140237

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	22040244	Nguyễn Thị Hà Dung	14/07/2002	Nữ	Phú Thọ	3.20	Giỏi	

Danh sách gồm: 1 sinh viên

Hà Nội, Ngày 22 tháng 9 năm 2026

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC



Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 1686 ngày 22/09/2026)

Khóa: QH.2022.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Hàn Quốc

Mã ngành đào tạo: 7220210

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	22041517	Lê Thúy An	20/04/2004	Nữ	Hà Nội	3.22	Giỏi	
2	22041567	Đinh Ngọc Mai Anh	18/03/2003	Nữ	Hải Phòng	3.23	Giỏi	
3	22041698	Nguyễn Thị Ngọc Anh	05/12/2004	Nữ	Thanh Hóa	2.86	Khá	
4	22041583	Thiều Thị Lan Anh	07/06/2004	Nữ	Lào Cai	2.71	Khá	
5	22041548	Trương Thị Ngọc Ánh	27/05/2004	Nữ	Hà Nội	2.61	Khá	
6	22041587	Nguyễn Thị Kim Chi	28/06/2004	Nữ	Phú Thọ	2.93	Khá	
7	22041568	Phạm Linh Chi	15/02/2004	Nữ	Tuyên Quang	2.78	Khá	
8	22041608	Nguyễn Thùy Dung	06/07/2004	Nữ	Phú Thọ	3.07	Khá	
9	22041653	Trần Thị Hương Giang	20/07/2004	Nữ	Hải Phòng	2.67	Khá	
10	22041648	Nguyễn Thu Hà	21/01/2004	Nữ	Hải Phòng	2.98	Khá	
11	22041597	Vũ Thị Hồng Hạnh	30/01/2004	Nữ	Phú Thọ	2.73	Khá	
12	22041706	Nguyễn Thị Hậu	25/02/2004	Nữ	Thanh Hóa	2.72	Khá	
13	22041655	Trần Thị Thu Hiền	26/04/2004	Nữ	Hải Phòng	3.16	Khá	
14	22041558	Nguyễn Phương Hoa	03/05/2004	Nữ	Hải Phòng	2.80	Khá	
15	22041573	Vũ Thị Huế	06/07/2004	Nữ	Tuyên Quang	2.63	Khá	
16	22041559	Nguyễn Thị Thu Huyền	18/08/2004	Nữ	Hải Phòng	3.31	Giỏi	
17	22041575	Trần Thị Hương	13/08/2004	Nữ	Tuyên Quang	3.25	Giỏi	
18	22041599	Vũ Thị Hương Lam	13/02/2004	Nữ	Phú Thọ	3.20	Giỏi	
19	22041604	Lưu Khánh Linh	01/12/2004	Nữ	Phú Thọ	3.36	Giỏi	
20	22041579	Nguyễn Phương Linh	21/11/2004	Nữ	Hà Nội	3.34	Giỏi	
21	22041689	Vũ Thị Diệu Linh	09/03/2004	Nữ	Hưng Yên	3.09	Khá	
22	22041635	Nguyễn Thị Mai	26/10/2004	Nữ	Bắc Ninh	2.69	Khá	
23	22041634	Giáp Hồng My	25/08/2004	Nữ	Bắc Ninh	3.32	Giỏi	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
24	22041537	Phạm Thị Trà My	28/02/2004	Nữ	Hà Nội	3.21	Giỏi	
25	22041665	Nguyễn Giang Nam	02/08/2004	Nam	Phú Thọ	3.16	Khá	
26	22041639	Dương Thủy Ngọc	20/09/2004	Nữ	Bắc Ninh	3.01	Khá	
27	22041574	Đỗ Huyền Ngọc	11/02/2004	Nữ	Tuyên Quang	2.85	Khá	
28	22041670	Trần Hồng Nhung	10/11/2004	Nữ	Ninh Bình	2.70	Khá	
29	22041606	Nguyễn Thị Thu Phương	15/09/2004	Nữ	Phú Thọ	3.03	Khá	
30	22041618	Tạ Thị Mai Phương	08/09/2004	Nữ	Phú Thọ	3.44	Giỏi	
31	22040036	Trần Huệ Phương	19/06/2004	Nữ	Ninh Bình	3.21	Giỏi	
32	22041672	Nguyễn Phương Thanh	02/06/2004	Nữ	Ninh Bình	3.06	Khá	
33	22041679	Đặng Thị Thu Thảo	05/10/2004	Nữ	Ninh Bình	3.23	Giỏi	
34	22041678	Vũ Huyền Thảo	27/04/2004	Nữ	Ninh Bình	3.24	Giỏi	
35	22041526	Nguyễn Phạm Chiến Thắng	14/03/2004	Nam	Hà Nội	3.34	Giỏi	

Danh sách gồm: 35 sinh viên

Hà Nội, Ngày 22 tháng 9 năm 2026

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC



Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 1686 ngày 22/09/2026)

Khóa: QH.2021.F.1
Hệ đào tạo: Chính quy
Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN
Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Hàn Quốc (Chất lượng cao) Mã ngành đào tạo: 7220210CLC

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	20041115	Đỗ Hà Anh	27/09/2002	Nữ	Hà Nội	3.13	Khá	
2	21041568	Lê Thị Ánh	10/03/2002	Nữ	Bắc Ninh	2.87	Khá	
3	21041604	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	23/02/2003	Nữ	Hà Nội	3.63	Xuất sắc	

Danh sách gồm: 3 sinh viên

Hà Nội, Ngày 22 tháng 9 năm 2026

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC


Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 1686 ngày 22/09/2026)

Khóa: QH.2022.F.1
Hệ đào tạo: Chính quy
Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN
Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Ả Rập Mã ngành đào tạo: 7220211

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	21041707	Phan Thiện Minh Hiếu	23/08/2003	Nữ	Đà Nẵng	2.87	Khá	

Danh sách gồm: 1 sinh viên

Hà Nội, Ngày 22 tháng 9 năm 2026

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC

Nguyễn Quỳnh Hoa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN
(theo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân số 1686 ngày 22/09/2026)

Khóa: QH.2021.F.1

Hệ đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQGHN

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Ả Rập

Mã ngành đào tạo: 7220211

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	20041683	Trịnh Minh Anh	02/07/2002	Nữ	Hà Nội	2.24	Trung Bình	
2	20041281	Trần Đoàn Thảo Vy	03/02/1999	Nữ	Lâm Đồng	2.88	Khá	

Danh sách gồm: 2 sinh viên

Hà Nội, Ngày 22 tháng 9 năm 2026

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ NGƯỜI HỌC



Nguyễn Quỳnh Hoa